

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cơ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 907/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 319/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thắng A, sinh năm: 1971;

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, Khu phố L, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1973;

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, Khu phố L, thị trấn C, huyện C, tỉnh L;

Địa chỉ nơi tạm trú: D2/36 ấp 4 xã Q, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thắng A trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim Th chung sống với nhau vào năm 2017, do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã vì hai bên có con riêng với nhau. Nay ông yêu cầu Tòa án cho ông ly hôn với bà Th để trả tự do cho nhau vì vợ chồng sống không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông và bà Th đã sống ly thân với nhau được một thời gian.

Về con chung: Ông và bà Th không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Th không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thắng A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thắng A. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thắng A và bà Nguyễn Thị Kim Th chung sống với nhau có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh L năm 2017. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông A yêu cầu ly hôn với bà Th.

Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn có tạm trú tại địa bàn huyện B, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Kim Th. Tại phiên tòa hôm nay bà Th vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Th là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thắng A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông A là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Ngày 01/9/2020 Ủy ban nhân dân xã Q có văn bản cho biết bà Nguyễn Thị Kim Th có tạm trú tại D2/36 ấp 4 xã Q, huyện B, Thành phố H. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã Q không nắm rõ mức độ mâu thuẫn của ông A và bà Th.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông A, không có bất kỳ động thái nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân, do đó yêu cầu ly hôn của ông A là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Ông A xác định quá trình chung sống ông và bà Th không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thắng A đối với bà Nguyễn Thị Kim Th.

Ông Nguyễn Thắng A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh L đăng ký ngày 18/9/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0079955 ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, Thành phố H. Ông A đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu